

Số: 276/BC-STP

An Giang, ngày 5 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2849/SGDDĐT-KHTC ngày 01/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân và dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

Qua rà soát các nội dung giữa Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND với Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, nhận thấy có một phần còn phù hợp và không còn phù hợp. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, về mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND còn phù hợp với quy định khoản 1 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, tức là bằng với mức thu năm học 2020 - 2021.

Thứ hai, khoản 4 Điều 32 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định:

“Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

4. Cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch

vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định tại Nghị định này áp dụng từ năm học 2021 - 2022”.

Do đó, những nội dung của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND liên quan đến nội dung này không còn phù hợp.

Điều b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019, quy định:

“Điều 99. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo

6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”

Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.”

Căn cứ quy định trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang là đúng thẩm quyền.

3. Dự thảo Nghị quyết

a) Qua ý kiến góp ý của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thoại Sơn “Miễn thu dịch vụ giáo dục (học phí) đối với học sinh là người dân tộc Khmer và dân tộc Chăm trên địa bàn tỉnh An Giang”, với lý do “Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của các năm học trước đều có nội dung này”. Do đó, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm, đồng thời giải trình rõ trong Tờ trình.

b) Sở Tư pháp nhận thấy đối tượng được miễn học phí đối với học sinh là người dân tộc theo quy định tại khoản 5, 8, 11, 12, 15 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, quy định:

“Điều 15. Đối tượng được miễn học phí

5. Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

8. Học sinh trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được miễn học phí từ năm học 2022 - 2023 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2022).

11. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học.

12. Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

15. Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.”

Quy định trên, có sự giới hạn đối tượng học sinh là người dân tộc được miễn học phí phải đáp ứng các điều kiện cụ thể. Đồng thời, qua tham khảo Nghị quyết về học phí của một số tỉnh như Trà Vinh¹, Sóc Trăng², Bình Thuận³,... có nhiều học sinh là người dân tộc Khmer, Chăm. Nhận thấy đối tượng học sinh là người dân tộc được miễn học phí cũng phải đáp ứng các điều kiện cụ thể, không quy định tất cả học sinh dân tộc Khmer, Chăm đều được miễn học phí.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn

¹ Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh

² Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

³ Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận